

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **190/2019/HS-ST**
Ngày: 21/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thuý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan, bà Nguyễn Thị Thùy Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tường- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 180/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2019/QĐXXST-HS 07/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm 1983. ĐKKHKT và chỗ ở: Số 125 T, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 11/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm N (đã chết) và bà Đỗ Thị U. Có vợ là Phùng Thị G (đã ly hôn) và có 01 con. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 10/7/2019. Có mặt.

2. Hoàng Minh P, sinh năm 1977. ĐKKHKT và chỗ ở: Số 29 L, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 7/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Xuân P và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết). Có vợ là Trần Thị H và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại bản án số 141/2012/HSST ngày 24/8/2012, bị TAND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (*chấp hành xong hình phạt từ ngày 25/4/2014; đã được xóa án tích*). Ngày 27/12/2001, bị Công an quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ (*đã được xóa tiền sự*).

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương trong một vụ án khác. Có mặt.

*** Bị hại: Công ty X.**

Địa chỉ trụ sở: Số 960 L, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T- Giám đốc.

Người được ông Tân ủy quyền: Bà Phạm Thị Thúy H- Đội trưởng đội xây dựng số 6. Địa chỉ: Số 799 L, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

*** Người làm chứng:**

- Anh Phạm Thái S, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu 7, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Anh Trần Anh T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu 11, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Anh Trần Việt H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 8/96 B, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/6/2019, Hoàng Minh P rủ Phạm Văn T đến bãi sản xuất khuôn công bê tông thuộc Đội 6 của Công ty X để trộm cắp tài sản. Cả hai đi đến đoạn tường rào bị đổ của bãi sản xuất, T đứng ngoài cảnh giới, P đi vào trong bãi sản xuất lần lượt bê 05 tấm khuôn sắt dạng hình bán nguyệt, loại trọng lượng 27kg/tấm đưa cho T để ra ngoài hàng rào. Tiếp đó P và T rút các que tre ở gần hàng rào cắm vào các tấm xốp gần đó làm thành 01 chiếc bè, đặt xuống sông S rồi bê các tấm sắt đặt trên bè và đẩy bè dọc theo bờ sông về phía Cống Đ. Khi đến Cống Đ, cả hai bê các tấm sắt lên trên đường và bán cho một người phụ nữ (*không biết tên, địa chỉ*) đi thu mua sắt vụn được số tiền 480.000đ. Bằng thủ đoạn tương tự, trưa ngày 14/6/2019, T rủ P đến bãi sản xuất khuôn công bê tông thuộc Đội 6 của Công ty X trộm cắp 06 tấm khuôn sắt cùng loại đem đến Cống Đ rồi thuê người chở xích lô (*không biết tên, địa chỉ*) chở đến khu vực chợ H thuộc phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương bán cho một người phụ nữ (*không biết tên, địa chỉ*) đi thu mua sắt vụn được số tiền 500.000đ. P và T cùng nhau chi tiêu hết toàn bộ số tiền có được do bán tài sản đã chiếm đoạt.

Ngày 09/7/2019, Phạm Văn T đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của Công ty X. Quá trình làm việc, T tự lấy từ trong túi quần sau đang mặc ra 01 gói nilon màu trắng có dòng kẻ, kích thước (1 x 1,5)cm, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng giao nộp cho cơ quan điều tra và khai nhận: Do nghiện ma túy nên khoảng 6 giờ ngày 09/7/2019, T đến khu vực đường tàu thuộc khu 3, phường N, thành phố H mua của một người

đàn ông tên Tuấn (*không biết họ, địa chỉ*) 01 gói Heroine với số tiền 100.000đ rồi cất giấu trong người để sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐG ngày 15/8/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự- UBND thành phố Hải Dương kết luận: Giá trị 11 tấm sắt khuôn đúc bê tông loại 27kg/tấm là 4.755.300đ.

Tại Kết luận giám định số 284/KLGD-PC09 ngày 11/7/2019, Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chất bột (dạng cục) màu trắng niêm phong trong phòng bì ký hiệu M1, ghi thu của Phạm Văn T gửi giám định có khối lượng 0,111 gam là ma túy, loại Heroine. Hoàn trả 0,070 gam Heroine sau giám định.

Quá trình điều tra: Các bị cáo khai nhận thực hiện các hành vi phạm tội như đã nêu trên. Đại diện bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Không xác định được lý lịch của những người mua lại tài sản của các bị cáo và người đàn ông tên Tuấn.

Tại Cáo trạng số 178/CT-VKSTPHD ngày 22/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố Phạm Văn T về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 173, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự (BLHS); truy tố Hoàng Minh P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa: Các bị cáo nhận tội. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố Phạm Văn T phạm các tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Hoàng Minh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 (*cả hai tội*); điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 (*tội Trộm cắp tài sản*); Điều 55 BLHS. Xử phạt bị cáo T từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 21 đến 27 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/7/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo P từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự; điểm c khoản 1 Điều 47, Điều 48 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Công ty X số tiền 4.755.300đ; chia kỷ phần, mỗi bị cáo phải bồi thường 2.377.650đ. Tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định. Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST và

án phí DSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về hành vi của các bị cáo:* Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận:

Vào các ngày 08/6/2019 và 14/6/2019, Hoàng Minh P và Phạm Văn T đã chiếm đoạt của Công ty X số lượng tám sắt dùng làm khuôn đúc cống bê tông loại 27kg/tấm lần lượt là 05 tấm trị giá 2.161.500đ và 06 tấm trị giá 2.593.800đ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực TNHS, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu sài mà không phải lao động nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo được thực hiện bằng việc lén lút, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc trông coi, quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của họ; tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.755.300đ nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Ngày 10/7/2019, Phạm Văn T đến cơ quan Công an thành phố Hải Dương đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản nói trên và đã tự giao nộp 0,111 gam Heroine đang cất giấu trong người nhằm mục đích sử dụng. Bị cáo nhận thức rõ việc cất giấu ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện và đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Heroine nằm trong danh mục I, STT 9 Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ nên hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] *Về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và xử lý đối với các bị cáo:*

Bị cáo P là người đề xuất đi trộm cắp tài sản ngày 08/6/2019; bị cáo T là người đề xuất đi trộm cắp tài sản ngày 04/6/2019; cả hai bị cáo đều trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò ngang nhau. Bị cáo T phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Các bị cáo 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty X; giá trị

tài sản chiếm đoạt của mỗi lần đều đủ định lượng cấu thành tội phạm nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo và đều có mẹ để được tặng thưởng Huân chương, Huy chương nên cả hai bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo T có thời gian tham gia quân đội và được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen; đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản và tự thú về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm v, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét bị cáo T phạm hai tội, bị cáo P có nhân thân xấu nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và đấu tranh phòng ngừa chung có hiệu quả. HĐXX sẽ xem xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS để quyết định mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mỗi bị cáo đã thực hiện. Bị cáo T phải chịu tổng hợp hình phạt của hai tội theo quy định tại Điều 55 BLHS.

[3] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo cùng nhau chi tiêu hết số tiền có được do bán tài sản chiếm đoạt và chưa bồi thường khoản gì cho bị hại. Nay đại diện bị hại yêu cầu được bồi thường giá trị số tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được là có căn cứ. HĐXX cần buộc các bị cáo T, P phải liên đới bồi thường cho Công ty X số tiền 4.755.300đ; chia kỷ phần, mỗi bị cáo phải bồi thường một nửa là 2.377.650đ.

[5] Về vật chứng: 0,070 gam Heroine hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị kết án và phải bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[7] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS nên đều hợp pháp.

Không xác định được lý lịch của những người mua lại tài sản của các bị cáo và người đàn ông tên Tuấn nên không có căn cứ xử lý.

Đại diện bị hại trình bày ngoài số tài sản bị T, P chiếm đoạt thì Công ty X còn bị mất 23 tấm khuôn sắt loại 30kg/tấm, 19 tấm khuôn sắt loại 27kg/tấm và 60 chân đế cổng bắt sắt khối lượng 24kg/chân đế nhưng quá trình điều tra không có căn cứ xác định các bị cáo đã chiếm đoạt số tài sản trên. Vì vậy cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Ngoài hành vi được xét xử tại bản án này, Hoàng Minh P còn phạm tội ở huyện G, tỉnh Hải Dương và đã bị TAND huyện G xét xử theo thẩm quyền. Hiện bản án của TAND huyện G chưa có hiệu lực pháp luật nên HĐXX không tổng hợp hình phạt đối với bị cáo P tại bản án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 (*cả hai tội*); điểm r khoản 1 Điều 51 (*tội Tàng trữ trái phép chất ma túy*); điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 (*tội Trộm cắp tài sản*); Điều 55 Bộ luật hình sự đối với Phạm Văn T.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Hoàng Minh P.

Căn cứ Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự; điểm c khoản 1 Điều 47, Điều 48 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc Hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm các tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Hoàng Minh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt Phạm Văn T **08** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; **12** tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là **20** (*hai mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/7/2019.

- Xử phạt Hoàng Minh P **10** (*mười*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Phạm Văn T và Hoàng Minh P phải liên đới bồi thường cho Công ty X số tiền **4.755.300đ**. Chia kỷ phần, mỗi bị cáo phải bồi thường 2.377.650đ (*hai triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 0,070 gam Heroine hoàn lại sau giám định (*theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/11/2019 giữa Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương*).

5. Buộc Phạm Văn T, Hoàng Minh P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- CQ CSĐT Công an TP. Hải Dương;
- Phòng HSNV Công an TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thuý